

PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN GẮN VỚI NÂNG CAO NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG, NĂNG LỰC CẠNH TRANH VÀ THAM GIA CHUỖI GIÁ TRỊ TOÀN CẦU

● LÊ TÀI THU

Học viện Ngân hàng

Email: thult.bmtoan@hvn.edu.vn

TÓM TẮT:

Doanh nghiệp tư nhân ngày càng khẳng định vai trò là động lực quan trọng của nền kinh tế Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng. Tuy nhiên, khu vực này vẫn đối mặt với nhiều hạn chế về năng suất lao động, năng lực cạnh tranh và mức độ tham gia chuỗi giá trị toàn cầu. Do đó, bài nghiên cứu phân tích thực trạng phát triển doanh nghiệp tư nhân tại Việt Nam, làm rõ mối quan hệ giữa năng suất lao động và năng lực cạnh tranh, đồng thời đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy khu vực này tham gia hiệu quả vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Từ khóa: doanh nghiệp tư nhân, năng suất lao động, năng lực cạnh tranh, chuỗi giá trị toàn cầu.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, vai trò của khu vực doanh nghiệp tư nhân ngày càng được khẳng định như một động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và đổi mới sáng tạo. Tại Việt Nam, quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã tạo điều kiện cho khu vực doanh nghiệp tư nhân phát triển mạnh mẽ, đóng góp đáng kể vào GDP, tạo việc làm và nâng cao hiệu quả phân bổ nguồn lực xã hội. Sự gia tăng nhanh chóng về số lượng doanh nghiệp cùng với sự đa dạng trong lĩnh vực hoạt động cho thấy khu vực này đang trở thành trụ cột quan trọng của nền kinh tế.

Tuy nhiên, trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt và yêu cầu hội nhập sâu vào nền kinh tế toàn cầu, doanh nghiệp tư nhân Việt Nam vẫn đang đối mặt với nhiều thách thức. Năng suất lao động còn thấp so với các nước trong khu vực, năng lực cạnh tranh chưa cao và mức độ tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu còn hạn chế. Phần lớn doanh nghiệp vẫn tập trung ở các khâu có giá trị gia tăng thấp, trong khi khả năng tham gia vào các khâu có giá trị cao như nghiên cứu - phát triển, thiết kế và xây dựng thương hiệu còn yếu. Những hạn chế này không chỉ ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp mà còn tác động đến năng lực cạnh tranh của toàn bộ nền kinh tế.

Trong bối cảnh đó, việc nghiên cứu mối quan hệ giữa phát triển doanh nghiệp tư nhân với nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn. Năng suất lao động được xem là nền tảng quyết định hiệu quả sản xuất, trong khi năng lực cạnh tranh phản ánh khả năng tồn tại và phát triển của doanh nghiệp trên thị trường. Đồng thời, việc tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu không chỉ giúp doanh nghiệp mở rộng thị trường mà còn tạo điều kiện tiếp cận công nghệ, tri thức và phương thức quản trị hiện đại.

2. Doanh nghiệp tư nhân động lực của tăng trưởng kinh tế

2.1. Vai trò của doanh nghiệp tư nhân

Trong nền kinh tế thị trường, khu vực doanh nghiệp tư nhân Việt Nam ngày càng khẳng định là một trong những trụ cột quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đổi mới sáng tạo và nâng cao hiệu quả phân bổ nguồn lực và đóng vai trò quan trọng, đó là:

Đóng góp đáng kể vào tăng trưởng kinh tế và tạo việc làm. Khu vực này hiện chiếm tỷ trọng lớn trong GDP và là nguồn tạo việc làm chủ yếu cho xã hội. Thúc đẩy chuyển dịch lao động từ khu vực nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ. Góp phần nâng cao năng suất lao động chung của nền kinh tế.

Huy động và phân bổ hiệu quả các nguồn lực xã hội. Có khả năng khai thác tối đa các nguồn lực nhân rỗi trong dân cư, từ vốn, lao động đến tri thức.

Là lực lượng tiên phong trong đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ. Nhiều doanh nghiệp tư nhân đã chủ động đầu tư vào công nghệ, cải tiến quy trình sản xuất và phát triển sản phẩm mới nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh.

Thúc đẩy cạnh tranh thị trường. Sự gia tăng số lượng và quy mô doanh nghiệp tư nhân tạo ra môi trường cạnh tranh lành mạnh. Điều này không chỉ mang lại lợi ích cho người tiêu dùng mà còn nâng cao hiệu quả chung của nền kinh tế.

Góp phần thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu. Liên kết với doanh

nh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và tham gia mạng lưới sản xuất toàn cầu, từng bước nâng cao năng lực quản trị, tiếp cận công nghệ hiện đại và tiêu chuẩn quốc tế. Tuy nhiên, mức độ tham gia sâu vào các khâu có giá trị gia tăng cao vẫn còn hạn chế.

Có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế địa phương và đảm bảo an sinh xã hội, góp phần đa dạng hóa cơ cấu kinh tế vùng, thúc đẩy khởi nghiệp và nâng cao thu nhập cho người dân.

2.2. Thực trạng phát triển doanh nghiệp tư nhân tại Việt Nam

Trong những năm qua, khu vực doanh nghiệp tư nhân tại Việt Nam đã có bước phát triển mạnh mẽ cả về số lượng, quy mô và phạm vi hoạt động, trở thành một trong những động lực quan trọng của nền kinh tế. Sự cải thiện môi trường kinh doanh, cùng với các chính sách hỗ trợ từ Nhà nước, đã tạo điều kiện thuận lợi cho sự gia tăng nhanh chóng về số lượng doanh nghiệp đăng ký mới. Tuy nhiên, khu vực này vẫn tồn tại nhiều hạn chế mang tính cơ cấu, ảnh hưởng đến chất lượng tăng trưởng và khả năng hội nhập:

Về số lượng chiếm tỷ trọng cao, thành lập mới liên tục gia tăng qua các năm. Tuy nhiên, tỷ lệ doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động hoặc giải thể vẫn ở mức đáng kể. Điều này phản ánh năng lực chống chịu của doanh nghiệp trước các cú sốc kinh tế và biến động thị trường còn yếu.

Về quy mô và năng lực tài chính, phần lớn thuộc nhóm doanh nghiệp nhỏ, vừa, siêu nhỏ. Quy mô vốn hạn chế khiến doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc đầu tư đổi mới công nghệ, mở rộng sản xuất và nâng cao chất lượng sản phẩm. Khả năng tiếp cận nguồn vốn tín dụng chính thức còn nhiều rào cản.

Về trình độ công nghệ và năng suất lao động, vẫn ở mức thấp so với khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Việc đầu tư cho nghiên cứu và phát triển (R&D) còn hạn chế.

Về cơ cấu ngành nghề, tập trung chủ yếu trong các lĩnh vực có giá trị gia tăng thấp như thương mại, dịch vụ, gia công và lắp ráp. Tỷ lệ doanh nghiệp tham gia các lĩnh vực có hàm lượng tri thức lớn còn hạn chế.

Về năng lực quản trị và chất lượng nguồn nhân lực, thiếu tính chuyên nghiệp và minh bạch. Chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế số và hội nhập quốc tế, đặc biệt là thiếu hụt lao động có kỹ năng cao và năng lực quản lý hiện đại.

Về mức độ liên kết và hội nhập, sự liên kết trong nước còn yếu, liên kết với doanh nghiệp FDI còn hạn chế, chủ yếu dừng lại ở các hoạt động gia công với giá trị gia tăng thấp.

Mặc dù môi trường kinh doanh đã được cải thiện đáng kể, nhưng vẫn còn tồn tại những rào cản thể chế như thủ tục hành chính phức tạp, chi phí không chính thức và sự thiếu nhất quán trong thực thi chính sách. Những yếu tố này làm gia tăng chi phí hoạt động và giảm động lực đầu tư dài hạn.

2.3. Những rào cản đối với sự phát triển

Mặc dù khu vực doanh nghiệp tư nhân tại Việt Nam đã có những bước phát triển đáng ghi nhận, song vẫn đang đối mặt với nhiều rào cản mang tính cấu trúc và thể chế, làm hạn chế khả năng nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh cũng như mức độ tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu. Những rào cản này không chỉ xuất phát từ nội tại doanh nghiệp mà còn từ môi trường kinh doanh. Các hạn chế như:

Tiếp cận vốn và nguồn lực tài chính là một trong những rào cản lớn nhất. Gặp khó khăn trong việc tiếp cận tín dụng chính thức.

Trình độ công nghệ và năng lực đổi mới sáng tạo còn hạn chế, chất lượng sản phẩm chưa cao. Việc đầu tư cho nghiên cứu và phát triển (R&D) còn rất khiêm tốn.

Chất lượng nguồn nhân lực và năng lực quản trị chưa đáp ứng yêu cầu. Đội ngũ lao động thiếu kỹ năng nghề và kỹ năng số. Mô hình quản trị thiếu tính chuyên nghiệp và khó thu hút nhân tài.

Môi trường thể chế và thủ tục hành chính vẫn còn những bất cập. Mặc dù đã có nhiều cải cách, doanh nghiệp vẫn phải đối mặt với các thủ tục hành chính phức tạp, chồng chéo và thiếu nhất quán. Chi phí không chính thức và rủi ro pháp lý vẫn tồn tại.

Trong liên kết và hợp tác kinh doanh, các doanh nghiệp tư nhân thường hoạt động rời rạc, thiếu sự liên kết theo chuỗi giá trị hoặc cụm ngành. Mối liên kết với doanh nghiệp FDI còn yếu, dẫn đến khả năng tham gia vào các khâu có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị toàn cầu còn hạn chế.

Khả năng đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế và hội nhập còn hạn chế. Nhiều doanh nghiệp chưa đáp ứng được các yêu cầu khắt khe về chất lượng, môi trường, lao động và truy xuất nguồn gốc của thị trường quốc tế.

Khả năng chống chịu và thích ứng của nhiều doanh nghiệp tư nhân còn yếu, dễ bị tổn thương trước các cú sốc kinh tế.

3. Nâng cao năng suất lao động và năng lực cạnh tranh

3.1. Các yếu tố quyết định năng suất lao động

Năng suất lao động là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh hiệu quả sử dụng các nguồn lực trong quá trình sản xuất, kinh doanh và là nền tảng quan trọng để nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

Trình độ công nghệ và mức độ đổi mới sáng tạo là yếu tố then chốt quyết định năng suất lao động. Doanh nghiệp áp dụng công nghệ tiên tiến, tự động hóa và chuyển đổi số sẽ giúp tối ưu hóa quy trình sản xuất, giảm chi phí và nâng cao chất lượng sản phẩm.

Chất lượng nguồn nhân lực đóng vai trò trung tâm trong việc nâng cao năng suất lao động. Tuy nhiên, tại nhiều doanh nghiệp tư nhân Việt Nam, lực lượng lao động vẫn còn hạn chế về kỹ năng, đặc biệt là kỹ năng số làm giảm hiệu quả khai thác công nghệ và hội nhập quốc tế.

Hiệu quả quản trị doanh nghiệp là yếu tố quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất lao động.

Quy mô và khả năng tích tụ vốn của doanh nghiệp cũng có tác động đáng kể đến năng suất lao động. Các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ thường hạn chế về vốn, khó tiếp cận công nghệ tiên tiến, dẫn đến năng suất thấp.

Mức độ tham gia vào chuỗi giá trị và liên kết kinh tế ảnh hưởng đến khả năng nâng cao năng suất. Doanh nghiệp tham gia vào các chuỗi giá trị, đặc biệt

là chuỗi giá trị toàn cầu, có cơ hội học hỏi công nghệ, kỹ năng quản trị và tiêu chuẩn quốc tế. Sự liên kết với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành hoặc trong chuỗi cung ứng cũng giúp tối ưu hóa sản xuất và nâng cao hiệu quả.

Môi trường thể chế và chính sách kinh tế vĩ mô đóng vai trò nền tảng đối với năng suất lao động.

Mức độ hội nhập kinh tế quốc tế và cạnh tranh thị trường cũng là yếu tố thúc đẩy năng suất lao động, buộc doanh nghiệp phải không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm và tối ưu hóa chi phí.

Năng suất lao động trong doanh nghiệp tư nhân là kết quả của sự tương tác phức tạp giữa nhiều yếu tố. Công nghệ, nguồn nhân lực và quản trị doanh nghiệp đóng vai trò cốt lõi, các yếu tố như môi trường, thể chế và hội nhập quốc tế đóng vai trò hỗ trợ và định hướng.

3.2. Nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp tư nhân

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng và cạnh tranh ngày càng gay gắt, việc nâng cao năng lực cạnh tranh trở thành yêu cầu sống còn đối với doanh nghiệp tư nhân. Năng lực cạnh tranh không chỉ phản ánh khả năng duy trì và mở rộng thị phần mà còn thể hiện mức độ thích ứng của doanh nghiệp trước những biến động của môi trường kinh doanh.

Trước hết, xây dựng và triển khai chiến lược cạnh tranh hiệu quả là nền tảng quan trọng. Doanh nghiệp cần xác định rõ lợi thế cạnh tranh cốt lõi của mình, có thể là chi phí thấp, khác biệt hóa sản phẩm hoặc tập trung vào thị trường ngách.

Nâng cao chất lượng sản phẩm và phát triển thương hiệu là yếu tố then chốt. Cần chú trọng đầu tư vào cải tiến sản phẩm, kiểm soát chất lượng và xây dựng hình ảnh thương hiệu uy tín.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số là xu hướng tất yếu. Việc áp dụng các công nghệ mới như tự động hóa, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và thương mại điện tử giúp doanh nghiệp tối ưu hóa quy trình sản xuất, nâng cao hiệu quả quản lý và tiếp cận khách hàng một cách hiệu quả hơn.

Nâng cao năng lực tài chính và quản trị rủi ro là

điều kiện đảm bảo sự phát triển bền vững. Cải thiện khả năng tiếp cận vốn, đa dạng hóa nguồn tài chính và minh bạch trong quản lý tài chính. Đồng thời, việc xây dựng hệ thống quản trị rủi ro hiệu quả.

Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao là yếu tố quyết định đến năng lực cạnh tranh. Đầu tư vào đào tạo, nâng cao kỹ năng và tạo môi trường làm việc hấp dẫn để thu hút và giữ chân nhân tài.

Tăng cường liên kết và hợp tác kinh doanh nhằm tận dụng lợi thế quy mô và chia sẻ nguồn lực. Tham gia vào các cụm liên kết ngành, chuỗi cung ứng và mạng lưới sản xuất giúp doanh nghiệp nâng cao hiệu quả hoạt động và mở rộng thị trường. Đồng thời, hợp tác với các doanh nghiệp FDI cũng tạo cơ hội tiếp cận công nghệ, tiêu chuẩn và phương thức quản trị tiên tiến.

Chủ động hội nhập và nâng cao khả năng đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế. Doanh nghiệp cần nắm bắt các cam kết thương mại quốc tế, nâng cao năng lực tuân thủ các tiêu chuẩn về chất lượng, môi trường và lao động.

Tóm lại, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp tư nhân là một quá trình liên tục và toàn diện, đòi hỏi sự kết hợp giữa đổi mới nội tại và thích ứng với môi trường bên ngoài. Trong đó, chiến lược kinh doanh, công nghệ, nguồn nhân lực và quản trị đóng vai trò cốt lõi.

3.3. Mối quan hệ giữa năng suất lao động và năng lực cạnh tranh

Trong nền kinh tế thị trường và bối cảnh toàn cầu hóa, năng suất lao động và năng lực cạnh tranh có mối quan hệ hữu cơ, tác động qua lại lẫn nhau và cùng quyết định hiệu quả hoạt động cũng như vị thế của doanh nghiệp trên thị trường. Đối với khu vực doanh nghiệp tư nhân, việc nhận thức đúng và khai thác hiệu quả mối quan hệ này là điều kiện tiên quyết để nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh và hội nhập quốc tế.

Trước hết, năng suất lao động là nền tảng cốt lõi của năng lực cạnh tranh. Năng suất lao động cao cho phép doanh nghiệp tối ưu hóa việc sử dụng các yếu tố

đầu vào, từ đó giảm chi phí sản xuất, cung cấp sản phẩm với giá cả cạnh tranh hơn hoặc gia tăng biên lợi nhuận. Đây chính là yếu tố quan trọng giúp doanh nghiệp nâng cao vị thế cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế.

Bên cạnh đó, năng suất lao động còn ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sản phẩm và khả năng đổi mới sáng tạo. Doanh nghiệp có năng suất cao thường gắn liền với việc ứng dụng công nghệ tiên tiến, quy trình sản xuất hiện đại và đội ngũ lao động có kỹ năng tốt; từ đó có thể xây dựng lợi thế cạnh tranh.

Ngược lại, năng lực cạnh tranh cũng có tác động tích cực trở lại đối với năng suất lao động. Khi doanh nghiệp đối mặt với áp lực cạnh tranh ngày càng gia tăng, đặc biệt trong môi trường hội nhập quốc tế, họ buộc phải cải tiến quy trình sản xuất, đầu tư vào công nghệ và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm duy trì và mở rộng thị phần.

Mối quan hệ giữa năng suất lao động và năng lực cạnh tranh còn được củng cố thông qua vai trò của đổi mới sáng tạo. Đổi mới sáng tạo vừa là yếu tố nâng cao năng suất, vừa là công cụ tạo ra lợi thế cạnh tranh bền vững. Việc đầu tư vào nghiên cứu và phát triển, chuyển đổi số và cải tiến mô hình kinh doanh giúp doanh nghiệp nâng cao hiệu quả hoạt động, đồng thời tạo ra các sản phẩm và dịch vụ có giá trị gia tăng cao.

Sự tương tác giữa năng suất lao động và năng lực cạnh tranh không chỉ ảnh hưởng đến từng doanh nghiệp mà còn tác động đến năng lực cạnh tranh của toàn bộ nền kinh tế.

Trong thực tế, mối quan hệ này chưa được khai thác hiệu quả tại nhiều doanh nghiệp tư nhân Việt Nam. Năng suất lao động còn thấp dẫn đến chi phí sản xuất cao, trong khi năng lực cạnh tranh yếu làm giảm động lực đầu tư vào công nghệ và đổi mới sáng tạo.

4. Tham gia chuỗi giá trị toàn cầu

4.1. Vai trò của chuỗi giá trị toàn cầu

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, chuỗi giá trị toàn cầu (Global Value Chains - GVCs) đã trở thành một cấu trúc tổ chức sản xuất và thương mại chủ đạo của nền

kinh tế thế giới. Thay vì sản xuất hoàn chỉnh một sản phẩm trong phạm vi một quốc gia, các công đoạn của quá trình sản xuất được phân bổ tại nhiều quốc gia khác nhau, dựa trên lợi thế so sánh của từng nền kinh tế. Đối với các doanh nghiệp tư nhân, việc tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu mang lại nhiều cơ hội nhưng cũng đặt ra không ít thách thức.

Trước hết, tham gia chuỗi giá trị toàn cầu giúp doanh nghiệp tận dụng lợi thế so sánh và tối ưu hóa chi phí sản xuất. Chuyên môn hóa vào những khâu phù hợp với năng lực, có thể nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực và giảm chi phí sản xuất. Đối với các doanh nghiệp tư nhân có quy mô nhỏ và nguồn lực hạn chế, giúp họ từng bước tham gia vào thị trường quốc tế mà không cần phải đầu tư toàn diện vào toàn bộ chuỗi sản xuất.

Chuỗi giá trị toàn cầu tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận công nghệ, tri thức và kỹ năng quản trị tiên tiến, có cơ hội học hỏi từ các đối tác quốc tế về quy trình sản xuất, tiêu chuẩn chất lượng và phương thức quản trị hiện đại.

Tham gia chuỗi giá trị toàn cầu giúp doanh nghiệp mở rộng thị trường và gia tăng kim ngạch xuất khẩu, có thể tiếp cận trực tiếp hoặc gián tiếp với thị trường quốc tế mà không cần phải tự xây dựng toàn bộ hệ thống phân phối.

Chuỗi giá trị toàn cầu góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại và nâng cao giá trị gia tăng. Tham gia sâu hơn vào các khâu có giá trị gia tăng cao như thiết kế, nghiên cứu và phát triển (R&D), marketing và xây dựng thương hiệu, doanh nghiệp có thể cải thiện vị thế của mình trong chuỗi giá trị.

Chuỗi giá trị toàn cầu tạo ra áp lực cạnh tranh, từ đó thúc đẩy doanh nghiệp nâng cao năng lực nội tại. Việc phải đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe về chất lượng, môi trường, lao động và truy xuất nguồn gốc buộc doanh nghiệp phải cải tiến công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm và hoàn thiện hệ thống quản trị.

Tuy nhiên, bên cạnh những lợi ích, việc tham gia chuỗi giá trị toàn cầu cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro.

Doanh nghiệp có thể bị “mắc kẹt” ở các khâu có giá trị gia tăng thấp như gia công và lắp ráp. Sự phụ thuộc vào các đối tác nước ngoài và biến động của thị trường toàn cầu có thể làm gia tăng rủi ro đối với hoạt động sản xuất kinh doanh.

4.2. Mức độ tham gia của doanh nghiệp tư nhân Việt Nam

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, mức độ tham gia của doanh nghiệp tư nhân Việt Nam vào chuỗi giá trị toàn cầu đã có những bước tiến nhất định, song nhìn tổng thể vẫn còn hạn chế và chưa tương xứng với tiềm năng phát triển của khu vực này.

Trước hết, về mức độ tham gia, doanh nghiệp tư nhân Việt Nam đã từng bước gia nhập chuỗi giá trị toàn cầu thông qua hoạt động xuất khẩu, gia công và cung ứng sản phẩm cho các doanh nghiệp FDI. Tuy nhiên, phần lớn doanh nghiệp mới chỉ tham gia ở các khâu có giá trị gia tăng thấp như gia công, lắp ráp hoặc cung cấp nguyên liệu thô.

Mức độ liên kết với khu vực FDI còn hạn chế. Cung ứng đầu vào cho các tập đoàn đa quốc gia tại Việt Nam còn yếu. Tỷ lệ nội địa hóa trong nhiều ngành công nghiệp vẫn ở mức thấp. Công nghiệp hỗ trợ và năng lực sản xuất còn nhiều hạn chế.

Tại Việt Nam, khoảng 98% doanh nghiệp là doanh nghiệp nhỏ và vừa, với nguồn lực hạn chế về vốn, công nghệ và nhân lực khiến doanh nghiệp khó đáp ứng các yêu cầu khắt khe về chất lượng, số lượng và thời gian giao hàng trong các chuỗi cung ứng toàn cầu, từ đó hạn chế khả năng tham gia sâu.

Vai trò của khu vực doanh nghiệp tư nhân trong xuất khẩu và chuỗi giá trị toàn cầu vẫn còn khiêm tốn so với khu vực FDI. Hiện nay, hơn 70% giá trị xuất khẩu của Việt Nam thuộc về các doanh nghiệp FDI.

Mức độ nâng cấp vị trí trong chuỗi giá trị còn chậm. Mặc dù một số doanh nghiệp tư nhân đã có những bước tiến đáng kể trong việc đầu tư công nghệ, xây dựng thương hiệu và mở rộng thị trường quốc tế, nhưng số lượng doanh nghiệp có thể tham gia vào các khâu có giá trị gia tăng cao vẫn còn rất hạn chế.

Trong những năm gần đây, đã xuất hiện những tín hiệu tích cực cho thấy xu hướng cải thiện mức độ tham gia của doanh nghiệp tư nhân vào chuỗi giá trị toàn cầu. Các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tư nhân, đặc biệt là các nghị quyết của Đảng và Chính phủ, đã tạo động lực thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư vào công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh và mở rộng thị trường quốc tế.

Mức độ tham gia của doanh nghiệp tư nhân Việt Nam vào chuỗi giá trị toàn cầu hiện nay vẫn ở giai đoạn “tham gia nhưng chưa làm chủ”. Mặc dù đã có sự hiện diện trong nhiều chuỗi sản xuất quốc tế, song vị trí của doanh nghiệp vẫn chủ yếu ở các khâu có giá trị gia tăng thấp và phụ thuộc lớn vào khu vực FDI.

4.3. Giải pháp thúc đẩy tham gia chuỗi giá trị toàn cầu

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng và sự tái cấu trúc mạnh mẽ của chuỗi giá trị toàn cầu, việc nâng cao mức độ tham gia của doanh nghiệp tư nhân Việt Nam không chỉ là yêu cầu tất yếu mà còn là điều kiện quan trọng để nâng cao năng suất lao động và năng lực cạnh tranh quốc gia. Để đạt được mục tiêu này, cần triển khai đồng bộ các giải pháp từ phía Nhà nước và bản thân doanh nghiệp.

Thứ nhất, hoàn thiện thể chế và cải thiện môi trường kinh doanh là giải pháp mang tính nền tảng. Nhà nước cần tiếp tục đơn giản hóa thủ tục hành chính, nâng cao tính minh bạch và ổn định của chính sách, đồng thời giảm chi phí không chính thức cho doanh nghiệp. Có chính sách hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp tham gia chuỗi giá trị, như ưu đãi thuế, hỗ trợ tín dụng và khuyến khích đổi mới sáng tạo.

Thứ hai, phát triển công nghiệp hỗ trợ và tăng cường liên kết doanh nghiệp là yếu tố then chốt nhằm nâng cao tỷ lệ nội địa hóa và khả năng cung ứng đầu vào cho các chuỗi sản xuất toàn cầu.

Thứ ba, nâng cao năng lực công nghệ và thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp. Doanh nghiệp tư nhân cần chủ động đầu tư vào công nghệ hiện đại, tự động hóa và chuyển đổi số nhằm nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm. Nhà nước có thể hỗ trợ thông qua các chương trình tài trợ nghiên cứu và

phát triển (R&D), khuyến khích hợp tác giữa doanh nghiệp và các viện nghiên cứu, trường đại học.

Thứ tư, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu hội nhập. Doanh nghiệp cần chú trọng đào tạo và nâng cao kỹ năng cho người lao động, đặc biệt là kỹ năng chuyên môn, kỹ năng số và ngoại ngữ. Đồng thời, Nhà nước cần cải cách hệ thống giáo dục và đào tạo nghề theo hướng gắn kết với nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động. Nguồn nhân lực chất lượng cao sẽ là yếu tố quyết định giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh và tham gia hiệu quả vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Thứ năm, nâng cao khả năng đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế và xây dựng thương hiệu. Doanh nghiệp cần chủ động tuân thủ các tiêu chuẩn về chất lượng, môi trường, lao động và truy xuất nguồn gốc. Xây dựng thương hiệu mạnh và uy tín trên thị trường quốc tế.

Thứ sáu, tận dụng hiệu quả các hiệp định thương mại tự do (FTA). Việt Nam đã tham gia nhiều FTA thế hệ mới với mức độ cam kết cao, tạo ra cơ hội lớn để doanh nghiệp mở rộng thị trường và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu. Doanh nghiệp cần nắm vững các cam kết, quy tắc xuất xứ và tiêu chuẩn kỹ thuật để tận dụng ưu đãi thuế quan và nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Thứ bảy, nâng cao năng lực quản trị và chiến lược phát triển của doanh nghiệp. Doanh nghiệp cần xây dựng chiến lược dài hạn, xác định rõ vị trí và vai trò trong chuỗi giá trị toàn cầu. Áp dụng các mô hình quản trị hiện đại, nâng cao tính minh bạch và chuyên nghiệp.

5. Kết luận

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng và cạnh tranh toàn cầu ngày càng gay

gắt, phát triển doanh nghiệp tư nhân gắn với nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu không chỉ là xu hướng tất yếu mà còn là yêu cầu mang tính chiến lược đối với nền kinh tế Việt Nam. Khu vực doanh nghiệp tư nhân, với vai trò là động lực quan trọng của tăng trưởng kinh tế, đã có những bước phát triển đáng kể cả về số lượng và phạm vi hoạt động. Tuy nhiên, những hạn chế về quy mô, năng suất, công nghệ, quản trị và mức độ hội nhập vẫn là những rào cản lớn cần được khắc phục.

Năng suất lao động và năng lực cạnh tranh có mối quan hệ chặt chẽ, bổ trợ và thúc đẩy lẫn nhau. Việc tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu đóng vai trò như một “đòn bẩy” quan trọng, giúp doanh nghiệp tiếp cận công nghệ, thị trường và phương thức quản trị tiên tiến, từ đó nâng cao giá trị gia tăng và vị thế trong nền kinh tế quốc tế.

Thực tế cho thấy, mức độ tham gia của doanh nghiệp tư nhân Việt Nam vào chuỗi giá trị toàn cầu vẫn còn hạn chế, chủ yếu tập trung ở các khâu có giá trị gia tăng thấp và phụ thuộc nhiều vào khu vực FDI.

Vì vậy các giải pháp đồng bộ nhằm thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp tư nhân theo hướng nâng cao chất lượng và tính bền vững. Trong đó, việc hoàn thiện thể chế, cải thiện môi trường kinh doanh, phát triển công nghiệp hỗ trợ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tăng cường liên kết doanh nghiệp là những yếu tố then chốt. Đồng thời, bản thân doanh nghiệp cần chủ động nâng cao năng lực quản trị, đầu tư công nghệ và xây dựng chiến lược phát triển dài hạn nhằm thích ứng với yêu cầu của thị trường toàn cầu ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2022). Sách trắng về doanh nghiệp Việt Nam năm 2022. Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội.

Bộ Tư pháp. (2026). Phát triển kinh tế tư nhân nhanh, bền vững, hiệu quả, chất lượng cao - Nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách, mang tính chiến lược lâu dài của Đảng và Nhà nước. Truy cập tại <https://danchuphapluat.vn/phat-trien-kinh-te-tu-nhan-nhanh-ben-vung-hieu-qua-chat-luong-cao-nhiem-vu-trong-tam-cap-bach-mang-tinh-chien-luoc-lau-dai-cua-dang-va-nha-nuoc-6424.html>

Cục Thống kê (2023). Niên giám thống kê năm 2023. Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.

Organisation for Economic Co-operation and Development. (2021). SME and entrepreneurship outlook 2021. OECD Publishing. <https://doi.org/10.1787/97a5bbfe-en>

World Bank Group. (2020). Vietnam: Enhancing enterprise competitiveness and SME linkages. World Bank.

World Bank Group. (2022). Vietnam digital economy report. World Bank.

Ngày nhận bài: 5/3/2026

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 22/3/2026

Ngày chấp nhận đăng bài: 9/4/2026

DEVELOPING PRIVATE ENTERPRISES TO ENHANCE LABOR PRODUCTIVITY, COMPETITIVENESS, AND PARTICIPATION IN GLOBAL VALUE CHAINS

● **LE TAI THU**

Banking Academy of Vietnam

ABSTRACT:

Private enterprises are increasingly recognized as a key driver of economic growth in Vietnam amid deepening international integration. Despite their expanding contribution to the national economy, this sector continues to face significant challenges related to labor productivity, competitive capacity, and integration into global value chains. This study examines the current state of private enterprise development in Vietnam, analyzes the relationship between labor productivity and competitiveness, and explores the factors that influence firms' ability to participate effectively in global production networks. By highlighting the structural constraints and strategic opportunities confronting the private sector, the study provides insights into the conditions necessary to strengthen its role in enhancing national competitiveness and promoting sustainable economic development.

Keywords: private enterprises, labor productivity, competitiveness, global value chains.